Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4820.40.00

Mã HS	4820.40.00
Mô tả hàng hóa	Sổ đăng ký, sổ sách kế toán, vở ghi chép, sổ đặt hàng, quyển biên lai, tập viết thư, tập ghi nhớ, sổ nhật ký và các ấn phẩm tương tự, vở bài tập, quyển giấy thấm, bìa đóng hồ sơ (loại tờ rời hoặc loại khác), bìa kẹp hồ sơ, vỏ bìa kẹp hồ sơ, biểu mẫu thương mại các loại, tập giấy ghi chép có chèn giấy than và các vật phẩm văn phòng khác, bằng giấy hoặc bìa; album để mẫu hoặc để bộ sưu tập và các loại bìa sách, bằng giấy hoặc bìa / - Biểu mẫu thương mại và tập giấy ghi chép có chèn giấy than
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 09:23:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/48204000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7683
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7683
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7683
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7411
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7364
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7364
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7364
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7364
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7364
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7364
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E7414
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7414
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7414
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7414

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7414
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7414
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7415
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7415
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7415
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7415
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7415
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7415
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7416
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7370
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F7378
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G7378
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H7378
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I7378
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J7378
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K7378
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7400
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7400
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7400
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7400
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7400
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7400
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7446
VCFTA	2023	2023	3	VC!E7446
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7446
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7446
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7446
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7426
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7426
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7426
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7426
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7426
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7426
AHKFTA	2022	2022	25	AKH!D7439
AHKFTA	2023	2023	25	AKH!E7439
AHKFTA	2024	2024	25	AKH!F7439
AHKFTA	2025	2025	25	AKH!G7439
AHKFTA	2026	2026	25	AKH!H7439
AHKFTA	2027	2027	25	AKH!I7439
EVFTA	2022	2022	15,6	EV-NK!D7443
EVFTA	2023	2023	12,5	EV-NK!E7443
EVFTA	2024	2024	9,3	EV-NK!F7443
EVFTA	2025	2025	6,2	EV-NK!G7443
EVFTA	2026	2026	3,1	EV-NK!H7443
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7443
UKVFTA	2022	2022	15,6	UKV!D7444
UKVFTA	2023	2023	12,5	UKV!E7444
UKVFTA	2024	2024	9,3	UKV!F7444
UKVFTA	2025	2025	6,2	UKV!G7444
UKVFTA	2026	2026	3,1	UKV!H7444
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7444

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7394
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7394
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7394
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7394
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7394
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7394
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7394
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D7431
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E7431
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F7431
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G7431
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H7431
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I7431
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D7431
RCEP B	2023	2023	20	B!E7431
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F7431
RCEP B	2025	2025	15	B!G7431
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H7431
RCEP B	2027	2027	10	B!I7431
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D7431
RCEP C	2023	2023	20	C!E7431
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F7431
RCEP C	2025	2025	15	C!G7431
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H7431
RCEP C	2027	2027	10	C!I7431
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D7431

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E7431
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F7431
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G7431
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H7431
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I7431
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D7434
RCEP E	2023	2023	20	E!E7434
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F7434
RCEP E	2025	2025	15	E!G7434
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H7434
RCEP E	2027	2027	10	E!I7434
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D7431
RCEP F	2023	2023	20	F!E7431
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F7431
RCEP F	2025	2025	15	F!G7431
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H7431
RCEP F	2027	2027	10	F!I7431
VIFTA	2024	2024	22.5	VI!F6874
VIFTA	2025	2025	20	VI!G6874
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H6874
VIFTA	2027	2027	15	VI!I6874

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4820.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 4820.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7683), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.